

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 63/2020/HS-ST
Ngày 09 tháng 12 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Q.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn G – Giáo viên Trường trung học phổ thông G.

Bà D Thị L – Phó Trưởng ban Tuyên giáo huyện ủy huyện G.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị H - Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên tòa:
Ông Trần Hồng M - Kiểm sát viên.

Ngày 09/12/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N, xét xử kín sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 60/2020/TLST- HS ngày 05/11/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐXXST- HS ngày 25 tháng 11 năm 2020, đối với bị cáo:

Trần Văn D, tên gọi khác: Không, sinh năm: 1976 tại xã G, huyện G, tỉnh N. Nơi cư trú: Thôn B, xã G, huyện G, tỉnh N. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Giới tính: Nam. Trình độ văn hóa: Lớp 0/12. Con ông Trần Văn Thọ và bà Trần Thị Lý; có vợ là Trần Thị C và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/8/2020, tại Trại tạm giam Công an tỉnh N cho đến nay. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Văn S - Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N. Có mặt.

Bị hại: Cháu Nguyễn Phương TH, sinh ngày 19/7/2012. Vắng mặt

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Ông Nguyễn Văn B (Là bố đẻ), sinh năm 1979 và bà Trần Thị H (Là mẹ đẻ), sinh năm 1993. Bà H có mặt, ông B vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại: Bà Ninh Thị H - Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị C, sinh năm 1979. Có mặt.

Trú tại: Thôn B, xã G, huyện G, tỉnh N.

Người làm chứng: Các bà Nguyễn Thị V, Bùi Thị N, Phạm Thị T, các ông Nguyễn Văn C, Đào Nam B, các chị Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị V. Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn D là người nghiện rượu, có tiền sử điều trị bệnh rối loạn, loạn thần do sử dụng rượu. Khoảng 11 giờ ngày 05/04/2020, sau khi ăn cơm uống rượu tại thuyền của gia đình tại bên đò sông Hoàng Long thuộc thôn N, xã G, huyện G, D đạp xe đạp đi đến thôn Đ, xã G, huyện G để tìm thuê người đan rổ tre xúc cua. Khoảng 13 giờ 45 phút cùng ngày, D đến quán tạp hóa của gia đình chị Nguyễn Thị TH, sinh năm 1973, trú tại thôn T, xã G, huyện G mua 01 chai bia Hà Nội và ngồi uống tại quán. Quá trình uống bia, D hỏi thăm cháu Đào Thị K A, sinh ngày 26/01/2008 (là con chị TH) đang bán hàng nhà ông Đào Nam B, sinh năm 1957, trú tại thôn T, xã G, huyện G (ông B bị cụt chân, là người quen với D) để hỏi thuê người đan rổ xúc cua, nhưng cháu K nghĩ là D hỏi nhà anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1979, trú tại thôn Đ, xã G, huyện G ở gần đó nên chỉ tay về phía nhà anh Nguyễn Văn B và nói: “Ồ kia”. Sau đó D đạp xe đi đến nhà anh Nguyễn Văn B theo chỉ dẫn của cháu K. Đến nơi, D gặp cháu Nguyễn Phương TH, sinh ngày 19/07/2012 (là con gái của anh B) đang chơi ở sân trước cửa nhà, D hỏi cháu TH: “*Bố cháu có nhà không?*”, cháu TH trả lời: “*Bố cháu đang ngủ trong nhà*”, D hỏi tiếp: “*Cháu biết nhà ông B cụt chân không?*”, cháu TH nói: “*Cháu biết nhà ông B cụt, để cháu dẫn chú đi*”. Sau đó cháu TH đạp xe đạp của mình dẫn D về phía nhà ông Đào Nam B. Tuy nhiên, khi đến thôn T, do cháu TH không nhớ chính xác nhà ông B nên D và cháu TH không đến nhà ông B nữa mà đi về. D điều khiển xe đi đến khu vực nhà văn hóa thôn Đ, dựng xe ở sân nhà văn hóa rồi đi vào phía trong bờ tường rào, cháu TH thấy vậy cũng dựng xe và đi theo D. Lúc này, chị Nguyễn Thị Vân, sinh năm 1989, trú tại thôn Đ, xã G, huyện G nhìn thấy cháu TH nên gọi: “*Em vào đây làm gì?*”, cháu TH không trả lời và điều khiển xe đạp đi ra đường thôn để về nhà, D cũng điều khiển xe đạp đi theo cháu TH. Khi đi đến đoạn đường rẽ vào nhà cháu TH thì D vượt lên trước và đi về phía cánh đồng thôn Đ, xã G, cháu TH thấy vậy điều khiển xe đạp đi theo D. Khi cháu TH đi theo D đến công Nghệ, đê Lợi Hà thuộc địa phận thôn Đ, thấy đường vắng người, có bụi cây chuối che khuất, D nảy sinh ý định dâm ô cháu TH nhằm thỏa mãn dục vọng của mình nên D dừng xe lại dựng ở ven đường rồi nói với cháu TH: “*Chú đi xuống đây*” – mục đích rủ cháu TH đi theo mình xuống bụi cây chuối. Sau đó D đi xuống bụi cây chuối dưới bờ kênh, cháu TH đi xuống theo D. Khi cháu TH đi đến đứng trước mặt D thì D cúi người dùng bốn ngón tay của bàn tay phải sờ mó, cọ xát ở bên ngoài quần vị trí B phận sinh dục của cháu TH khoảng 1-2 phút, sau đó D dùng hai tay kéo tụt quần của cháu TH xuống vị trí đầu gối rồi tiếp tục dùng bốn ngón tay của bàn tay phải trực tiếp sờ mó, cọ xát, miết bên ngoài mép âm hộ của cháu TH để thỏa mãn dục vọng bản thân. Lúc này, anh Nguyễn Văn B sau khi ngủ dậy không thấy cháu TH ở nhà nên đi tìm. Khi thấy anh B điều khiển xe mô tô đi đến gần công Nghệ, cháu TH nói với D: “*Bố cháu đi tìm cháu đây*” đồng thời dùng tay tự kéo quần mình lên và bỏ chạy lên đường đê Lợi Hà. Anh B đi đến gần thì nhìn thấy

cháu TH đứng cùng Trần Văn D ở bụi cây chuối dưới đường bờ kênh vắng vẻ nên quát cháu TH: “Con kia mày ra đây làm gì”, cháu TH sợ nên không nói gì và lấy xe đạp đi về nhà. Anh B quát D: “Thằng kia mày dẫn con tao ra đây làm gì?”, D trả lời: “Tôi có dẫn đâu, nó tự đi theo, tôi xuống xem bèo để xúc cua chứ có làm gì đâu?” và đi lên đường. Nghĩ rằng D dẫn cháu TH vào nơi vắng vẻ để xâm hại nên anh B dùng tay tát 01 nhát vào đầu và dùng chân đạp 01 nhát vào người D làm D ngã xuống bụi chuối, khi D đi ra dắt xe đạp thì anh B đẩy xe đạp của D xuống kênh cống Nghệ. Lúc này người dân xung quanh đến can ngăn nên D đạp xe đi về phía thôn Trung Đồng, xã G còn anh B điều khiển xe mô tô đi về nhà. Khi về nhà cháu TH đã kể lại sự việc cho anh B và chị Trần Thị H, sinh năm 1993 (là mẹ đẻ cháu TH). Sau đó, anh B và chị H đã đến cơ quan Công an trình báo sự việc.

Cơ quan điều tra đã thu giữ của anh Nguyễn Văn B 01 chiếc quần thun thu đông dài màu trắng (loại quần trẻ em), cỡ size: S, có in họa tiết váy, mũ, giày nữ và chữ “King top”, trên bề mặt bám dính bụi đất; 01 chiếc áo thun dài tay nữ trẻ em màu đỏ, mặt trước cổ áo có thêu ren, dính nơ màu đen và các hạt nhựa tròn màu trắng. Thu giữ của chị Trần Thị C, sinh năm 1979, trú tại thôn B, xã G, huyện G (là vợ Trần Văn D) 01 chiếc xe đạp nữ màu xanh, đã cũ bong tróc sơn không rõ nhãn hiệu, trên giá đỡ hàng phía sau có gắn 01 ghế ngồi trẻ em kim loại màu xanh.

Ngày 06/4/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 27/CSĐT, trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh N giám định pháp y về tình dục đối với cháu Nguyễn Phương TH. Tại bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 010/2020/SD-TTPY ngày 07/4/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh N kết luận: *Âm hộ, âm đạo không có tổn thương, màng trinh kiểu “Hình môi”, không có vết rách, không xung huyết, không chảy máu. Không có hình ảnh tinh trùng, tử cung không có bất thường.*

Cùng ngày 06/4/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 29/CSĐT, trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh N giám định mẫu vật là chiếc quần và áo của cháu Nguyễn Phương TH mặc khi sự việc xảy ra. Tại bản kết luận giám định số 001/2020/MV-TTPY ngày 07/4/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh N kết luận: *Mẫu vật quần, áo không có hình ảnh tinh trùng.*

Ngày 20/5/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã ra Quyết định trưng cầu giám định lại số 01/CSĐT, Trưng cầu Viện pháp y quốc gia giám định lại pháp y về tình dục đối với Trần Văn D. Tại Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 03/20/TD ngày 29/5/2020 của Viện pháp y quốc gia kết luận: *D vật có khả năng cương cứng, tinh dịch đồ bình thường, nội tiết tố trong giới hạn bình thường. Tại thời điểm giám định Trần Văn D có khả năng tình dục bình thường.*

Ngày 05/5/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 39/CSĐT, trưng cầu Viện pháp y tâm thần trung ương giám định pháp y về tâm thần đối với Trần Văn D. Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 256/KLGD ngày 24/7/2020 của Viện pháp y tâm thần trung ương kết luận:

- *Tiền sử Trần Văn D có đợt rối loạn, loạn thần do sử dụng rượu đã được điều trị khỏi.*

- *Trước, trong khi thực hiện hành vi dâm ô với cháu Nguyễn Phương TH ngày 05/4/2020, đối tượng có hội chứng nghiện rượu. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã F10.2.*

- *Tại thời điểm giám định đối tượng có hội chứng nghiện rượu hiện đang cai nhưng ở trong môi trường được bảo vệ. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã F10.21.*

- *Tại các thời điểm trên đối tượng đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.*

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại 01 chiếc quần thun thu đông dài màu trắng (loại quần trẻ em), cỡ size: S, có in họa tiết váy, mũ, giày nữ và chữ “King top”, trên bề mặt bám dính bụi đất và 01 chiếc áo thun dài tay nữ trẻ em màu đỏ, mặt trước cổ áo có thêu ren, đính nơ màu đen và các hạt nhựa tròn màu trắng cho bà Trần Thị H, trả lại 01 chiếc xe đạp nữ màu xanh, đã cũ bong tróc sơn không rõ nhãn hiệu, trên giá đỡ hàng phía sau có gắn 01 ghế ngồi trẻ em kim loại màu xanh cho bà Trần Thị C.

Quá trình điều tra, bị cáo D đã khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 66/CT-VKS-GV ngày 04/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện G đã truy tố Trần Văn D ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi”, theo khoản 1 Điều 146 của B luật Hình sự (BLHS).

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì về kết luận giám định và Bản cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung Bản cáo trạng. Sau khi luận tội đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi”. Áp dụng khoản 1 Điều 146, các điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 48 B luật Hình sự; các Điều 584, 585, 592 B luật Dân sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn D từ 21 tháng tù đến 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 05/8/2020. Buộc bị cáo Trần Văn D phải bồi thường theo thỏa thuận cho cháu Nguyễn Thị Phương TH số tiền là 10.000.000 đồng, đã bồi thường được số tiền 2.000.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền là 8.000.000 đồng.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo D cũng đã có bài bào chữa nêu rõ thừa nhận hành vi của bị cáo D là vi phạm pháp luật hình sự, thừa nhận tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà VKSND huyện G truy tố, áp dụng đối với bị cáo D là hoàn toàn chính xác. Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội cũng như việc bị cáo là người có học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xử bị cáo D mức án thấp nhất mà Kiểm sát viên đã đề nghị.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cũng đã có bài phát biểu nêu rõ hành vi của bị cáo D là vi phạm pháp luật hình sự rất nghiêm trọng, xâm phạm đến thuần phong mỹ tục, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tâm sinh lý của bị hại. Thừa nhận tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà VKSND huyện G truy tố, áp dụng đối với bị cáo D là hoàn toàn chính xác. Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội là nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển bình thường của cháu TH nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xử phạt nghiêm minh đối với bị cáo D.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì. Được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người

đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong B luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Phân tích các chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn D khai nhận toàn B hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện rõ: Xuất phát từ việc buổi trưa ngày 05/04/2020 Trần Văn D đạp xe đạp đi đến thôn Đ, xã G, huyện G để tìm thuê người đan rổ tre xúc cua. Được cháu Đào Thị Kim Anh, sinh ngày 26/01/2008 chỉ đường đến nhà anh Nguyễn Văn B. Tại nhà anh Nguyễn Văn B, D gặp cháu Nguyễn Phương TH, sinh ngày 19/07/2012 (là con gái của anh B) và được cháu TH đạp xe đạp của mình dẫn D về phía nhà ông Đào Nam B. Khi cháu TH đi theo D đến cổng Nghệ, đê Lợi Hà thuộc địa phận thôn Đ, thấy đường vắng người, có bụi cây chuối che khuất, D đã có hành vi dùng bốn ngón tay của bàn tay phải sờ mó, cọ xát ở bên ngoài quần vị trí B phận sinh dục của cháu TH khoảng 1-2 phút, sau đó D dùng hai tay kéo tụt quần của cháu TH xuống vị trí đầu gối rồi tiếp tục dùng bốn ngón tay của bàn tay phải trực tiếp sờ mó, cọ xát, miết bên ngoài mép âm hộ của cháu TH để thỏa mãn dục vọng bản thân đúng như Bản cáo trạng đã mô tả nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với kết luận giám định, với lời khai của bị hại, lời khai người làm chứng, vật chứng của vụ án đã được thu giữ và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi”. Căn cứ tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo và hậu quả của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 146 của BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Điều 146. Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi.

1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà có hành vi dâm ô đối với người dưới 16 tuổi không nhằm mục đích giao cấu hoặc không nhằm thực hiện các hành vi quan hệ tình dục khác, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của con người được pháp luật hình sự bảo vệ.

[4]. Bản thân bị cáo là người đã thành niên nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện, học tập chỉ vì nghiện rượu dẫn đến những ham muốn tình dục nên phạm tội. Bị cáo đã lợi dụng sự non nớt, ngây thơ của cháu bé nhằm thỏa mãn nhu cầu

tình dục thấp hèn của bản thân. Hành vi của bị cáo bị xã hội và chính gia đình bị cáo lên án mạnh mẽ.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo là người có nhân thân tốt.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc tội phạm ít nghiêm trọng. Bị cáo cùng gia đình đã tự nguyện bồi thường một phần tổn thất tinh thần cho người bị hại. Gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại cũng đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 B luật Hình sự. Trên cơ sở các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét hành vi của bị cáo ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự ở địa phương, gây tâm lý bất an, hoang mang của các bậc phụ huynh nên cần có một hình phạt thật nghiêm minh đối với bị cáo bằng việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương đối dài mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội đồng thời góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo D và chị Trần Thị H là mẹ đẻ và là người đại diện hợp pháp của cháu TH thống nhất thỏa thuận bị cáo Trần Văn D sẽ có bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín và bù đắp tổn thất về tinh thần cho cháu TH tổng số tiền là 10.000.000 đồng, Trần Văn D và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho cháu Nguyễn Phương TH số tiền 2.000.000 đồng còn phải tiếp tục bồi thường cho cháu TH số tiền 8.000.000 đồng. Thỏa thuận này là phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc quần thun thu đông dài màu trắng (loại quần trẻ em), cỡ size: S, có in họa tiết váy, mũ, giày nữ và chữ “King top”, trên bề mặt bám dính bụi đất và 01 chiếc áo thun dài tay nữ trẻ em màu đỏ, mặt trước cổ áo có thêu ren, đính nơ màu đen và các hạt nhựa tròn màu trắng thu giữ của anh Nguyễn Văn B. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định là tài sản hợp pháp của cháu Nguyễn Phương TH, Cơ quan Cảnh sát Điều tra (CSĐT) Công an huyện G đã trả lại cho chị Trần Thị H (là mẹ đẻ và là người đại diện hợp pháp của cháu TH), là phù hợp.

- Đối với 01 chiếc xe đạp nữ màu xanh, đã cũ bong tróc sơn không rõ nhãn hiệu, trên giá đỡ hàng phía sau có gắn 01 ghế ngồi trẻ em kim loại màu xanh thu giữ của chị Trần Thị C. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định, là tài sản hợp pháp của gia đình chị C, việc Trần Văn D sử dụng chiếc xe đạp làm phương tiện đi đến nhà cháu TH, chị C không biết. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã trả lại chiếc xe trên cho chị C, là phù hợp.

Đối với việc anh Nguyễn Văn B dùng tay tát 01 nhát vào đầu D và dùng chân đạp 01 nhát vào người D, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định D chỉ bị xây xát ngoài da, thương tích không nghiêm trọng, không phải điều trị ở đâu nên không đề nghị anh B phải bồi thường cho mình.

[9] Về án phí: Bị cáo là người thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 146, các điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 B luật Hình sự : Tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm tội "Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi". Xử phạt bị cáo Trần Văn D 21 (Hai một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 05/8/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 BLHS; các Điều 357, 584, 585, 592, 596 B luật Dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn D phải bồi thường cho cháu Nguyễn Phương TH tổng số tiền là 10.000.000 đồng, đã bồi thường được số tiền 2.000.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền là 8.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Người phải thi hành án, người được thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Văn D.

Án xử kín sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
 - VKSND tỉnh N;
 - VKSND huyện G;
 - Trại tạm giam CA tỉnh N;
 - Công an huyện G;
 - Chi cục THADS huyện G;
 - Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
 - Lưu HS, VP;
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN HỮU Q